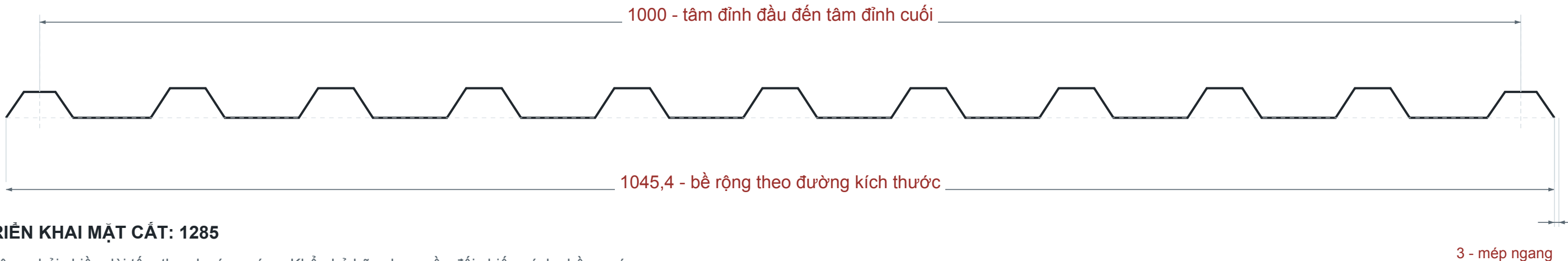


BẢN VẼ MẶT CẮT TÔN NHỰA 11 SÓNG

Bản tiếng Việt theo PDF cung cấp | Đơn vị trình bày quy ước mm | Không đo theo tỷ lệ hình

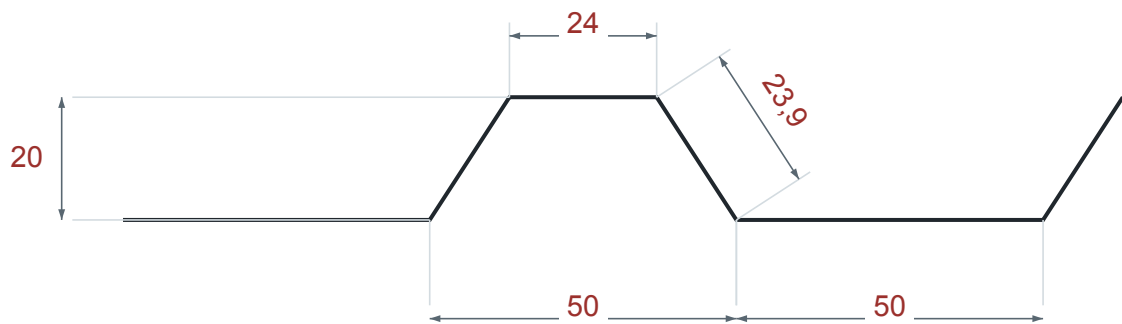
MẶT CẮT 11 SÓNG | SÓNG GIỮA VÀ SÓNG BIÊN CÓ QUY CÁCH KHÁC NHAU



TRIỂN KHAI MẶT CẮT: 1285

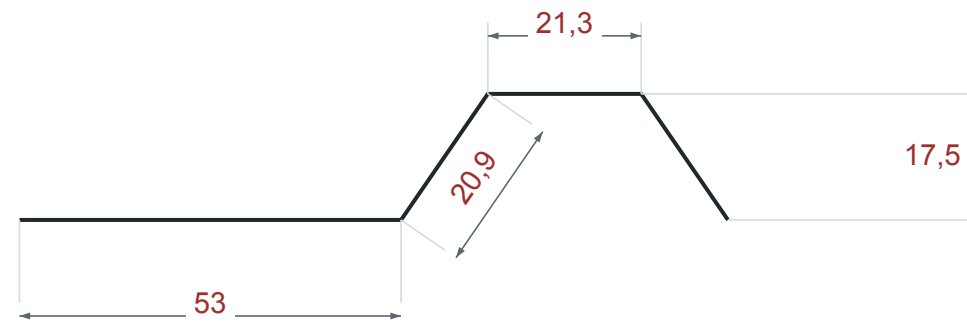
Không phải chiều dài tấm theo hướng sóng. Khổ phủ hữu dụng cần đối chiếu cách chồng mí.

CHI TIẾT A - SÓNG GIỮA CÓ GHI KÍCH THƯỚC



50 + 50 = 100 | Số gốc được giữ nguyên; chi tiết phóng lớn.

CHI TIẾT B - SÓNG BIÊN PHẢI



Biên trái cũng có nhả cao 17,5. Nhả 3 là mép ngang.

KHỐI LƯỢNG THEO MÉT DÀI

5 kg/mét dài

Thông tin doanh nghiệp cung cấp

ĐOẠN NGANG LẬP CÓ GHI

50 + 50 = 100

Theo hai đoạn trên bản vẽ nguồn

BỀ RỘNG THEO ĐƯỜNG KÍCH THƯỚC

1045,4

Chưa tự xác định khổ phủ hữu dụng

Hình biên được vẽ lại để đọc thông số; bán kính, cấu tạo chồng mí, độ dày và dung sai cần bản CAD xác nhận.

Đơn vị mm là quy ước trình bày. Không dùng hình này làm bản gia công hoặc thiết kế chịu lực.

NGUỒN: 11songbanve.pdf | Mặt cắt và các nhả kích thước gốc

Biên dịch tiếng Việt; quy cách chi tiết và phạm vi sử dụng ở trang 2-3.

TỶ LỆ: KHÔNG ÁP DỤNG

ĐƠN VỊ: QUY ƯỚC mm

BẢN: Rev. 01 | A3

TRANG: 1/3

BẢNG KÍCH THƯỚC TÔN 11 SÓNG

Đọc theo PDF nguồn; dùng dấu phẩy cho phần thập phân.

Đơn vị trình bày: quy ước mm. PDF nguồn không ghi đơn vị; cần đổi chiều bản CAD / phiếu quy cách trước khi chốt thông số sản xuất.

THÔNG SỐ	GIÁ TRỊ	NGUỒN / GIẢI THÍCH
Số sóng trên mặt cắt	11	Quan sát toàn bộ mặt cắt trong PDF nguồn
Khoảng tâm đỉnh sóng đầu đến đỉnh sóng cuối	1000	Đường kích thước có mốc tại hai tâm đỉnh biên
Bề rộng ngang theo đường kích thước	1045,4	Theo mốc đo được thể hiện trên PDF nguồn
Hai đoạn ngang liền nhau tại sóng giữa	50 + 50	Các mốc nằm ở chân sườn; xem chi tiết A
Bước lặp của hai đoạn ngang có ghi	100	Tính 50 + 50; không thay thế khổ phủ hữu dụng
Bề rộng mặt đỉnh sóng giữa có ghi	24	Kích thước tại sóng thứ hai trên bản gốc
Chiều cao sóng giữa có ghi	20	Theo PDF nguồn; không gán cho hai sóng biên
Chiều dài sườn sóng giữa có ghi	23,9	Theo nhãn nghiêng ở vùng giữa
Chiều cao biên trái / biên phải	17,5 / 17,5	Hai nhãn riêng biệt trên PDF nguồn
Bề rộng mặt đỉnh biên phải	21,3	Chỉ được ghi tại biên phải
Chiều dài sườn ở biên phải	20,9	Theo nhãn nghiêng tại vùng biên phải
Đoạn ngang trước sóng biên phải	53	Theo đường kích thước tại vùng biên phải
Đoạn chênh mép phải theo phương ngang	3	Không phải độ dày vật liệu
Chiều dài triển khai của mặt cắt	1285	Dịch nhãn “triển khai”; không phải chiều dài tấm

Cách đọc: 1000 có mốc tại tâm hai đỉnh biên. 1045,4 có mốc theo đường kích thước ngang trên hình. Hai số này chưa xác nhận khổ phủ hữu dụng khi lợp. Nhãn 3 chỉ đoạn chênh mép theo phương ngang; không được dùng làm độ dày tấm.

Triển khai 1285: nhãn này mô tả chiều dài triển khai của biên dạng mặt cắt. Chiều dài đặt sản xuất theo hướng sóng là thông số khác và chưa được cung cấp.

QUY CÁCH & PHẠM VI SỬ DỤNG

Thông tin doanh nghiệp cung cấp và cách sử dụng hồ sơ.

THÔNG SỐ	GIÁ TRỊ	NGUỒN / GIẢI THÍCH
Khối lượng theo mét dài	5 kg/mét dài	Theo thông tin anh Khởi ngày 07/10/2026

Tôn nhựa 11 sóng là biên dạng gồm 11 đỉnh sóng trên mặt cắt. Hồ sơ này giúp đối chiếu hình dạng, các mốc kích thước và khối lượng trước khi chọn quy cách hoặc gửi yêu cầu báo giá.

Khối lượng 5 kg/mét dài được tính theo chiều dài tám, không phải kg/m². Chưa xác nhận dung sai khối lượng, độ dày tương ứng hoặc khổ phủ để quy đổi theo diện tích.

CẦN ĐỐI CHIẾU KHI CHỐT QUY CÁCH

HẠNG MỤC	THÔNG TIN CẦN XÁC NHẬN
Đơn vị và dung sai	Bản nguồn không ghi đơn vị hoặc dung sai; trình bày quy ước mm và cần đối chiếu CAD.
Khổ phủ hữu dụng khi lợp	Chưa có mốc chồng mí xác nhận; không tự dùng 1000 làm khổ phủ hữu dụng.
Độ dày và cấu tạo lớp	Chưa được xác nhận cho mẫu này; nhãn 3 trong hình là kích thước mép ngang.
Chiều dài tám theo hướng sóng	Chưa được cung cấp; 1285 là chiều dài triển khai mặt cắt.
Khối lượng theo diện tích	5 kg/mét dài do doanh nghiệp cung cấp; chưa xác nhận kg/m ² hoặc dung sai khối lượng.
Khoảng cách đòn tay và lắp đặt	Cần chọn theo tải trọng, độ dày, độ dốc, liên kết và điều kiện từng công trình.
Chỉ tiêu thử nghiệm / tiêu chuẩn	Chưa có tài liệu thử nghiệm hoặc chứng nhận đi kèm bản nguồn.

Phạm vi: bản vẽ được dựng lại bằng vector và biên dịch tiếng Việt từ PDF ảnh; hình biên có tính minh họa. Không đo theo tỷ lệ hình, không dùng làm bản gia công hoặc thay thế tính toán kết cấu. Các nhãn số gốc được giữ nguyên, không tự bổ sung tiêu chuẩn, độ dày hoặc khả năng chịu tải.

Hồ sơ nguồn: 11songbanve.pdf, 1 trang. Nhãn ở khung tên nguồn: công trình "ngói / tám tường", tên hình "dạng ngói"; các ô vẽ, kiểm tra, phê duyệt, ngày và đơn vị thiết kế không có nội dung. Các ô trống không phải bằng chứng phê duyệt kỹ thuật.